TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐĂK LĂK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số**: 193**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 9 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐĂK LĂK

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Kim Cúc.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Lập Tiến
2. Ông Lê Phúc Tiếng

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hoài Trang – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột*** tham gia phiên tòa: Ông Lê Viết Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại phòng xử án - Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 654/2022/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 8 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2022/QĐXXST –HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 177/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Trịnh Thị N sinh năm 1986

Địa chỉ: Hẻm 39 đường Y nối dài, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn*: Ông Lưu Văn K sinh năm 1985

Địa chỉ: Hẻm 39 đường Y nối dài, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai nguyên đơn bà Trịnh Thị N trình bày:

Bà và ông Lưu Văn K có tìm hiểu, chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 19/5/2011 tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện. Ông bà chung sống hạnh phúc một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không có tiếng nói chung không hợp nhau, không hạnh phúc trong cuộc sống. Hiện nay ông bà đã sống ly thân. Nay, xét thấy tình cảm giữa hai

vợ chồng không còn và không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân. Vì vậy, bà N yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết cho bà được ly hôn với ông K.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Trịnh Thị N và ông Lưu Văn K có 1 con chung là cháu Lưu Thanh T sinh ngày 18/12/2012. Hiện nay cháu đang sống với mẹ nên bà có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng cháu tới tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Lưu Văn K**: Tòa án đã thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông K vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trịnh Thị N. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị N được ly hôn với ông Lưu Văn K. Về con chung: Giao cháu Lưu Thanh T sinh ngày 18/12/2012 cho mẹ là bà Trịnh Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng tới tuổi trưởng thành. Ông Lưu Văn K có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Trịnh Thị N yêu cầu ly hôn với ông Lưu Văn K, địa chỉ cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì đây là vụ án "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn ông Lưu Văn K đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Nguyên đơn bà Trịnh Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị N và ông Lưu Văn K tự nguyện tìm hiểu, đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn vào ngày 19/5/2011 tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Bà Trịnh Thị N và ông Lưu Văn K chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm,

không có tiếng nói chung trong cuộc sống, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà N đã nộp đơn đề nghị giải quyết xin ly hôn với ông K. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông K vẫn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương. Đại diện chính quyền địa phương cho biết*:" Về mâu thuẫn vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhưng ông Khoa và bà Nga không yêu cầu địa phương tổ chức hòa giải đoàn tụ".*

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, việc ông Lưu Văn K không đến tham gia vào các buổi hòa giải và phiên xét xử của Tòa, đã thể hiện việc ông K không có ý định hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này, từ đó cho thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Trịnh Thị N, cho bà N được ly hôn với ông Lưu Văn K.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Trịnh Thị N và ông Lưu Văn K có 1 con chung là cháu Lưu Thanh T sinh ngày 18/12/2012. Hiện nay cháu đang ở với mẹ, nên bà N có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng cháu tới tuổi trưởng thành.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện cháu T đang sống với mẹ, việc yêu cầu của bà N về việc được nuôi cháu T là phù hợp với thực tế và đảm bảo được quyền và lợi ích của con chung nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung là cháu Lưu Thanh T sinh ngày 18/12/2012 cho mẹ là bà Trịnh Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ.

[2.3] Về cấp dưỡng: Bà Trịnh Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trịnh Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Trịnh Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định, bị đơn ông Lưu Văn K không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ: Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị N

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị N được ly hôn với ông Lưu Văn K.

2. Về con chung:

Giao cháu Lưu Thanh T sinh ngày 18/12/2012 cho mẹ là bà Trịnh Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng tới tuổi trưởng thành.

Ông Lưu Văn K có quyền thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Bà Trịnh Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về chia tài sản và nợ chung**:** Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí: Bà Trịnh Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà Trịnh Thị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2021/0019961 ngày 27/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi Cục THADS Tp. BMT;
- Đương sự;
- UBND phường Tân Tiến;
- Lưu hồ sơ tại tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Kim Cúc